TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**120**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/12 /2018
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm C:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thanh Toàn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Nguyễn Tấn Lập.**

2. Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký tòa án ghi Biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thành Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2018/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc " Xin Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc C,** Sinh năm 1983 (C mặt).

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Trịnh Công V,** Sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và tại phiên Tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trịnh Công V lấy nhau là do yêu thương được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1997 và không C đăng ký kết hôn thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đã C với nhau một người con chung là cháu Trịnh Ngọc Giàu, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1998. Sau thời gian sống chung thì vợ chồng không sống chung với nhau được nữa và hai vợ chồng đã ly thân nhau hơn 10 năm nay. Từ khi ly thân thì giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc nhau cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nữa, nên chị C yêu cầu không công nhận giữa chị C và anh Trịnh Công V là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trịnh Công V C một con chung là cháu Trịnh Ngọc Giàu, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1998. Hiện tại cháu Giàu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị C trình bày vợ chồng không C tài sản chung, nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị C không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Trịnh Công V: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giap nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng anh Trịnh Công V đều cố tình vắng mặt nên không C lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu C trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Toà, Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, đây thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Mặc dù Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Trịnh Công V vẫn vắng mặt không C lý do, do đó Tòa án tiến

hành xét xử vắng đối với anh Trịnh Công V theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trịnh Công V lấy nhau là do tự tìm hiểu yêu thương nhau được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 1998, không C đăng ký kết hôn, cách đây hơn 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến Chị Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu xin ly hôn với anh Trịnh Công V. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trịnh Công V lấy nhau không đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vì tại Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nam, nữ C đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng" và tại Điều 53 luật Hôn nhân gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà C yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...". Do đó căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trịnh Công V là vợ chồng.

[3] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trịnh Công V C 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Giàu, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung của vợ chồng: Chị C thừa nhận giữa chị với anh Trịnh Công V không C tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Thì chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí là Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 14, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Công V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Trịnh Công V không phải là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Hiện tại thì cháu Trịnh Ngọc Giàu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc C không C yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Nguyễn Thị Ngọc C không C yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Ngọc C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0006990 ngày 05 tháng 9 năm 2018 số tiền theo biên lai là 300.000đ. Như vậy chị Nguyễn Thị Ngọc C đã nộp xong án phí.

Án xử công khai C mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết C quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng anh Trịnh Công V vắng mặt C quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự C quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa

đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng GĐKT;
- THA;
- Lưu;

Trương Thanh Toàn